

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08/6/2020

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Lộc

2. Bà Hồ Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2020/QĐXX-ST ngày 09 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn C, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 19/02/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Thị N bày:*

Chị N và anh C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 18/02/2012. Thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường hay cãi nhau làm phát sinh mâu thuẫn nên anh chị đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Xét thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn C.

Về con chung: Chị N và anh C có 02 cháu tên Huỳnh Ngọc M, sinh ngày 24/3/2009 và Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 02/11/2011. Hiện tại con chung do chị N đang nuôi dạy. Khi ly hôn chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dạy hai con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện chị Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Văn C chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị N yêu cầu ly hôn với anh C. Do đó, áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Văn C được ly hôn. Con chung giao chị N tiếp tục nuôi dạy cháu Huỳnh Ngọc M, sinh ngày 24/3/2009 và cháu Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 02/11/2011, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không đề nghị xem xét. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N chịu 300.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Huỳnh Văn C. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Anh C có địa chỉ tại ấp 1, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị N thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh C nhưng anh C không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị N và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho anh C nhưng anh C vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh C theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Văn C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, Huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 18/02/2012. Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa chị N cho rằng thời gian chung sống giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc nên chị N yêu cầu ly hôn với anh C. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm Q theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa chị N và anh C không đạt được nên anh chị đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay mà không có thiện chí đoàn tụ. Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để chị N và anh C có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh C vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Văn C được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy hai cháu Huỳnh Ngọc M, sinh ngày 24/3/2009 và Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 02/11/2011. Xét thấy, cháu M và cháu Q hiện đang sống cùng chị N, việc hoán đổi nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tình

cảm của các cháu. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 19/02/2020, cháu. Vì vậy, cần tiếp tục giao cháu M và cháu Q cho chị N tiếp tục nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định chị và anh C không có tài sản chung và nợ chung, không ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Văn C được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Ngọc M, sinh ngày 24/3/2009 (giới tính nữ)và cháu Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 02/11/2011 (giới tính nữ) cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dạy. Anh Huỳnh Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh C không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có Q và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 19 tháng 02 năm 2020 chị N có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0011006 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Về Q kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có Q kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh C vắng mặt có Q kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có Q kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Khoa